

Số: 04/2022/QĐST-HNGĐ

*Hương Thủy, ngày 19 tháng 01 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 151/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Hẻm 14 đường N, Tổ 08, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên là Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/04/2020. Chị T và anh L thoả thuận: Giao cháu Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/04/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Văn Gia H thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L thỏa thuận, chị Nguyễn Thị T chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001119 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- VKSNDTX Hương Thủy;
- Chi cục THADSTX Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế ;  
(Đăng ký kết hôn số 64 ngày 31/7/2020)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Quý Vân**